

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Xuân Hội, xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa của UBND huyện Hậu Lộc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Hậu Lộc về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Xuân Hội, xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa;

Theo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Xuân Hội, xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa của UBND huyện Hậu Lộc tại Thông báo số 11791/STNMT-BVMT ngày 30/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 184/BQLDA-KTHT ngày 7/1/2022 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hậu Lộc;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 111/Tr-STNMT ngày 25/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Xuân Hội, xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa của UBND huyện Hậu Lộc (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

- Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hậu Lộc và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Xuân Hội, xã Tiến Lộc,
huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa của UBND huyện Hậu Lộc

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của
 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin chung dự án:

- Tên dự án: Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Xuân Hội, xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
- Chủ đầu tư: UBND huyện Hậu Lộc
- Đại diện chủ đầu tư (Đơn vị quản lý dự án): Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hậu Lộc.
- Người đại diện: ông Ngô Viết Thắng - Chức vụ: Giám đốc Ban
- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:
- Phạm vi, quy mô, công suất dự án: Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Xuân Hội, xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích là 8,05 ha với các hạng mục công trình chính bao gồm: San nền, giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống cấp điện, trồng cây xanh.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 30m³/ngày, trong đó: Nước thải vệ sinh khoảng 1,275 m³/ngày; nước rửa tay chân khoảng 1,5m³/ngày; nước thải từ khu vực nhà ăn 0,225 m³/ngày; Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, động thực vật, Coliform,...
- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 13,1 m³/ngày; Thành phần chủ yếu: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...
- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng 167,04m³/h. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu...Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, SO₂, NO₂, hơi xăng,...

2.1.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 17,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,...

- Chất thải rắn xây dựng: Đất bóc hữu cơ, bùn nạo vét ($15.289,35 \text{ m}^3$); Bao bì xi măng, mẫu sắt thép thừa, gỗ, cốp pha loại, gạch vỡ,...($120,72 \text{ tấn}$); các loại vật liệu rời như cát, đá dăm... ($319,3 \text{ m}^3$).

2.1.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh khối lượng khoảng $5,0 \text{ kg/tháng}$. Thành phần bao gồm: Giẻ lau dính dầu mỡ, pin, bóng đèn neon,...

- Chất thải lỏng nguy hại: Chủ yếu là dầu thải với khối lượng 60 lít/toàn bộ quá trình thi công.

2.2. Giai đoạn vận hành:

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $86 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, trong đó: Nước thải tắm rửa, giặt giũ: $43 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; Nước thải ăn uống: $25,8 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; Nước thải vệ sinh: $17,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu: Chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, chất rắn lơ lửng, các chất hữu cơ chứa nitơ và vi sinh vật gây bệnh...

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng $194.76 \text{ m}^3/\text{h}$. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi và khí thải trong giai đoạn vận hành của dự án chủ yếu là phát sinh từ: Hoạt động của phương tiện giao thông; hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình; mùi hôi từ công trình xử lý nước thải và chất thải rắn; hoạt động xây dựng của các hộ gia đình. Phạm vi tác động chủ yếu trong khuôn viên dự án. Thành phần khí thải chủ yếu: NO_2 , SO_2 , CO ,...

2.2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn:

Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ khu dân cư, trường mầm non khoảng 730 kg/ngày.đêm ; Phát sinh từ khu vực công cộng khoảng 20 kg/ngày.đêm . Thành phần chủ yếu là túi nilon, giấy, bìa carton, vỏ bao bì, thức ăn thừa, lá cây, cành cây,...

2.2.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại: Phát sinh khoảng $7,3 \text{ kg/ngày.đêm}$. Thành phần bao gồm: giẻ lau chùi máy móc, pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải

*** Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:**

- Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ: Được thu gom và xử lý bằng 01 hố lắng thể tích $2,0 \text{ m}^3$ (kích thước $2 \text{ m} \times 1 \text{ m} \times 1 \text{ m}$) kết cấu bằng đất đầm chặt, phủ bạt nhựa HDPE xung quanh, bố trí tại lán trại thi công. Nước thải sau khi xử lý sẽ thải ra mương thoát nước phía Tây Nam dự án.

- Nước thải vệ sinh: Thuê 03 nhà vệ sinh di động để xử lý lượng nước thải sinh hoạt phát sinh (kích thước $1.800 \times 1.350 \times 2.600 \text{ mm}$). Hợp đồng Công

ty TNHH Một thành viên Môi trường và Công trình đô thị Thanh Hóa thông hút định kỳ 03 ngày/lần và đưa đi xử lý theo quy định.

- Nước thải từ ăn uống: Thu gom và xử lý sơ bộ bằng 01 hố tách dầu mỡ $0,5\text{m}^3$ (kích thước $1\text{m} \times 1\text{m} \times 0,5\text{m}$) kết cấu bằng đất đầm chặt, phủ bạt nhựa HDPE xung quanh, bố trí tại lán trại thi công. Nước thải sau khi xử lý được thải ra mương thoát nước mương thoát nước phía Tây Nam dự án.

**** Các biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng***

Nước thải rửa xe và nước thải rửa dụng cụ thi công được thu gom và xử lý bằng hố lắng $6,0\text{m}^3$ (kích thước $3\text{m} \times 2\text{m} \times 1\text{m}$) kết cấu bằng đất đầm chặt, phủ bạt nhựa HDPE xung quanh, bố trí tại lán trại thi công, sau đó thải ra mương thoát nước mương thoát nước phía Tây Nam dự án.

**** Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:***

- Tạo bờ bao quanh khu vực tập kết nguyên vật liệu bằng gạch xây, nhằm hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát, vật liệu xây dựng...

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa và hố gas tạm để thoát nước mưa, khoảng cách giữa các hố gas $30\text{m}/\text{hố gas}$. Rãnh thoát nước mưa là các rãnh đào tạm thời kích thước sâu x rộng = $0,4 \times 0,4(\text{m})$; các hố gas tạm có kích thước $d \times r \times c = 1 \times 1 \times 1 (\text{m})$.

- Thường xuyên nạo vét, khơi thông các tuyến thoát nước mưa trong khu vực dự án.

- Tại bãi đổ thải, tiến hành đổ thải đến đâu thực hiện đầm nén, san gạt, lu lèn đến đó để phòng tránh nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát ra môi trường.

3.1.2. Về bụi, khí thải

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính...theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng phải chở đúng trọng tải quy định của xe và có che phủ bạt phía trên để tránh rơi vãi trong quá trình di chuyển.

- Phun nước tạo độ ẩm, giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công và dọc tuyến đường vận chuyển 526B với chiều dài 200m tính từ cổng khu vực dự án về 2 phía. Phun nước 02 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh tại một số vị trí nhạy cảm như tuyến đường qua các khu dân cư lân cận.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Xây dựng hàng rào tạm bằng tôn cao 2m , dài 150m bao quanh vị trí tiếp giáp khu dân cư hiện trạng phía Đông để giảm thiểu bụi và tiếng ồn phát sinh ảnh hưởng đến khu dân cư.

- Bố trí khu vực rửa bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu trước khi ra khỏi khu vực thi công, các xe vận chuyển vật liệu được che phủ kín bạt.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt:*

Trang bị 02 thùng nhựa composite (dung tích 20 lít/thùng) đặt tại khu vực lán trại công nhân để thu gom chất thải rắn sinh hoạt của công nhân; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 ngày/lần.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động của chất thải rắn xây dựng:*

+ Xây dựng kế hoạch quản lý và sử dụng nguyên vật liệu hợp lý.

+ Đất bóc hữu cơ được tận dụng để đắp tại vị trí khuôn viên cây xanh, đổ tại các lô đất san nền, đắp mương cải dịch.

+ Khối lượng đất phong hóa, vật liệu rời rơi vãi...tận dụng san nền.

+ Đối với sắt, thép thừa, bao bì xi măng....thu gom tập trung về khu vực lán trại công nhân để tái sử dụng hoặc bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Trang bị 01thùng chứa dung tích 100 lit/thùng để chứa chất thải rắn nguy hại và 01 thùng dung tích 100lít để chứa chất thải lỏng nguy hại. Các thùng chứa chất thải nguy hại đều có nắp đậy kín, bên ngoài thùng có biểu tượng cảnh báo nguy hại, có dán nhãn mác và được đặt trong góc nhà kho diện tích khoảng 10m².

- Hợp đồng với các đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý sau khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng dự án.

3.2. Giai đoạn vận hành:

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải

- *Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:*

Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ được thu gom qua song chắn rác về hố ga được bố trí tại mỗi căn hộ để xử lý sơ bộ; nước thải từ hoạt động ăn uống được xử lý bằng bể tách dầu mỡ; nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý bằng bể tự hoại tại các hộ gia đình sau đó thu gom bằng hệ thống cống D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để tiếp tục xử lý, sau đó thoát ra mương thoát nước chung của khu vực.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án được bố trí tại khu vực khuôn viên cây xanh của dự án là hệ thống gồm 02 bể Bastafat (thể tích 50m³/bể). Sau khi huyện Hậu Lộc xây dựng Nhà máy xử lý nước thải theo quy hoạch tại Quyết định số 4493/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 tại đô thị Triệu Lộc (Trạm xử lý nước thải tại đô thị Triệu Lộc công suất tính đến năm 2030 là 1200 m³/ngày, diện tích 2ha, cách dự án 6km về phía Tây) và thị trấn Hậu Lộc (Trạm xử lý nước thải tại thị trấn Hậu Lộc công suất tính đến năm 2030 là 1600 m³/ngày, diện tích 2ha, cách dự án 5km về phía Đông) thì sẽ đầu nối nước thải của KDC Xuân Hội về trạm xử lý nước thải tại đô thị Triệu Lộc để xử lý và dừng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tại chỗ.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, sau đó thải ra mương thoát nước chung của khu vực.

- *Trách nhiệm của chủ đầu tư:*

+ Thiết kế thoát nước mưa đi riêng với hệ thống thoát nước thải; thi công tuyến cống thoát nước mưa và hướng thoát nước theo đúng thiết kế.

+ Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án (hệ thống bể bastafat).

+ Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom nước thải từ khu vực dự án về hệ thống xử lý nước thải tập trung của huyện, để sẵn các vị trí chờ tại các lô đất để các hộ gia đình đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải.

+ Khẩn trương tìm nhà đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung của huyện theo quy hoạch tại Quyết định số 4493/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh.

+ Thực hiện việc quan trắc nước thải định kỳ; bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải; đào tạo cán bộ vận hành hệ thống,...

- *Trách nhiệm của UBND xã Tiến Lộc:* Quản lý việc xây dựng công trình xử lý nước thải sơ bộ tại các hộ gia đình.

- *Trách nhiệm của các hộ dân:* Xây dựng bể tự hoại để xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh; Lắp đặt bể tách dầu mỡ để xử lý nước thải nhà ăn; lắp đặt lưới chắn rác để xử lý sơ bộ nước thải tắm giặt sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý trước khi thải ra môi trường; Đầu nối nước thải vào đường ống chờ do chủ đầu tư lắp đặt để dẫn về hệ thống xử lý nước thải chung của dự án.

- *Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn được thu gom bằng mương xây gạch* kích thước B = 50cm và B=70cm, tổng chiều dài 2903m, các hố ga rồi chảy ra mương cải dịch phía Tây dự án và chảy vào sông Ông.

3.2.2. Về bụi, khí thải

- *Trách nhiệm của chủ đầu tư:*

+ Đảm bảo tỷ lệ cây xanh được trồng theo đúng quy hoạch.

+ Thiết kế hệ thống cây xanh dọc theo các tuyến giao thông nội bộ.

+ Quy định rõ ràng, cụ thể về việc tuân thủ các công tác bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng của các hộ dân.

+ Thường xuyên giám sát, kiểm tra hoạt động xây dựng của các hộ dân.

+ Xây dựng hệ thống thu gom nước thải của dự án kiên cố, có nắp đậy bằng betong, có ống thoát khí, nhằm hạn chế sự phát tán mùi hôi.

- *Trách nhiệm của UBND xã Tiến Lộc:*

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng, thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực dọc tuyến đường nội bộ của khu dân cư.

+ Tuyên truyền người dân sử dụng các nhiên liệu ít gây ô nhiễm môi trường trong hoạt động sinh hoạt như: gas, điện,... không sử dụng nhiên liệu hóa thạch gây ô nhiễm môi trường.

+ Thường xuyên giám sát, kiểm tra hoạt động xây dựng của các hộ dân.

+ Kiểm tra hệ thống thu gom, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

- *Trách nhiệm của các hộ dân:*

+ Chủ động vệ sinh hàng ngày đối với khu vỉa hè trong phạm vi phía trước mỗi khu nhà.

+ Trang bị bộ phận hút, lọc khí thải khu vực nhà bếp trước khi thải ra môi trường.

+ Tuân thủ các quy định của chủ đầu tư về công tác bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng.

+ Tuân thủ các quy định về đấu nối nước thải của dự án.

+ Tập kết rác đúng nơi, đúng thời gian quy định.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

- *Trách nhiệm của chủ đầu tư:*

+ Xây dựng khu vực tập kết chất thải tập trung (bao gồm chất thải rắn sinh hoạt thông thường và chất thải nguy hại) với diện tích khoảng 20m² tại khu vực trồng cây xanh để tập kết chất thải tạm thời và Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.

+ Trang bị 20 thùng đựng rác loại 120 lít đặt tại khuôn viên cây xanh.

- *Trách nhiệm của UBND xã Tiến Lộc:*

+ Tuyên truyền, phổ biến kiến thức nhằm nâng cao nhận thức người dân về thu gom, phân loại chất thải rắn cho người dân.

+ Xây dựng kế hoạch quản lý chất thải rắn cho khu dân cư phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

+ Tổ chức dịch vụ thu gom hoặc hợp đồng thuê đơn vị thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt đưa đi xử lý với tần suất 01 ngày/lần. Thuê đơn vị vệ sinh môi trường địa phương thực hiện vệ sinh khu vực cây xanh, công viên của dự án.

- *Đối với trách nhiệm của các hộ dân và các nhà đầu tư thành viên:*

+ Thực hiện việc phân loại rác thải tại nguồn, có các thùng riêng biệt để phân loại rác theo đúng quy định.

+ Thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh vào các thùng chứa có nắp đậy để tránh sự phân huỷ của các chất hữu cơ dễ phân huỷ sinh học gây ô nhiễm môi trường và sức khỏe cộng đồng do mùi hôi và nước rỉ rác.

+ Tập kết rác đúng thời gian quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Nộp phí xử lý rác thải đầy đủ cho đơn vị thu gom xử lý.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- *Trách nhiệm của UBND huyện Hậu Lộc/UBND xã Tiến Lộc:* thường xuyên, kiểm tra, giám sát việc phân loại và thải bỏ chất thải nguy hại của người dân. Tuyên truyền cho người dân phân loại và bỏ vào thùng chứa “chất thải nguy hại” đúng quy định, không thải bỏ chất thải nguy hại cùng chất thải sinh hoạt; Phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo quy định về Quản lý chất thải nguy hại cho người dân để thu gom CTNH bỏ vào các thùng chứa chất thải nguy hại theo các chủng loại quy định đã được dán nhãn bên ngoài thùng; Thuê đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

- *Trách nhiệm của các hộ dân:* Thu gom, phân loại chất thải nguy hại và bỏ vào các thùng đựng CTNH theo quy định; Nộp phí xử lý chất thải nguy hại đầy đủ cho đơn vị chủ đầu tư để xử lý.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

TT	Danh mục công trình xử lý môi trường	Đơn vị	Số lượng
1	Thiết bị thu gom, xử lý chất thải rắn		
-	Thùng chứa chất thải sinh hoạt	Thùng	20
-	Thùng chứa chất thải nguy hại	Thùng	02
2	Hệ thống xử lý nước thải		
-	Bể tự hoại	bể	184
-	Bể tách dầu mỡ	bể	184
-	Hệ thống xử lý nước thải tập trung (bể batasfat, 50m ³ /bể)	bể	02
3	Hệ thống xử lý khí		
	Lắp đặt ống thoát khí của bể tự hoại tại mỗi hộ gia đình	Cái	184

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

5.1.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, độ ồn tương đương, Bụi lơ lửng, SO₂, NO₂, CO, NH₃, H₂S.

- Vị trí giám sát:

+ K1: Khu vực cổng ra vào dự án;

+ K2: Khu vực thi công.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

+ QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;

- + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- + QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- + QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị vi khí hậu cho phép tại nơi làm việc;
- + QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- + QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

5.1.2. Giám sát chất lượng môi trường nước thải

- Chỉ tiêu giám sát: pH; TSS; BOD₅; Sunfua; NH₄⁺, PO₄³⁻, dầu mỡ động thực vật; tổng các chất hoạt động bề mặt và Coliform.

- Vị trí giám sát:

- + Nước thải sau hồ lắng nước thải xây dựng;
- + Nước thải sau hồ lắng nước thải sinh hoạt;

- Quy chuẩn áp dụng:

- + QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.
- + QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

5.2. Giai đoạn vận hành:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Giám sát chất lượng môi trường nước:

+ Chỉ tiêu giám sát: pH; TSS; BOD₅; Sunfua; NH₄⁺; PO₄³⁻; dầu mỡ động thực vật; tổng các chất hoạt động bề mặt và Coliform.

+ Vị trí giám sát: Nước thải tại mương thu gom nước thải sau xử lý qua hệ thống bể Bastafat.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt./.